

Số: ~~1792~~/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 24 tháng 11 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 11 NĂM 2017**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Trong tháng 11/2017, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm 6,09% so với tháng trước và tăng 14,28% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 13,42%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,79%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 12,1%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,62% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 15,02% so với cùng kỳ năm 2016; Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 4,32%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,92%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 17,77%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,36% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Trong tháng 11/2017, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 44,85%; sắn xe các loại tăng 37,08%; nước hoa quả, cam táo tăng 27,34%; dầu nhựa thông tăng 25,0%; tấm lợp pro xi măng tăng 24,23%; xi măng tăng 23,87%; đá xây dựng tăng 20,06%; lốp xe các loại tăng 19,05%; điện sản xuất tăng 18,75%; phân bón NPK tăng 10,59%; bia lon tăng 10,25%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Gạch xây tăng 8,77%; điện thương phẩm tăng 4,35%; quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite tăng 9,38%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 15,72%; bộ com-lê, quần áo giảm 11,48%; dăm gỗ tăng 4,4%; tinh bột sắn giảm 3,33%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 0,4% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giá cả**

**2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2017 ước đạt 2.072,52 tỷ đồng, tăng 1,27% so với tháng trước và tăng 13,32% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:



Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1749,34 tỷ đồng, tăng 1,26% so với tháng trước và tăng 13,35% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 323,18 tỷ đồng, tăng 1,31% so với tháng trước và tăng 13,13% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 230,45 tỷ đồng, tăng 14,68%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,45 tỷ đồng, tăng 12,75%; dịch vụ khác ước đạt 90,28 tỷ đồng, tăng 9,38% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 22.553,17 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 90,2% so với kế hoạch năm 2017.

## **2.2. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2017 có mức tăng 0,44% so tháng trước, tăng 1,93% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,26% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng đầu năm 2017, tăng 4,56% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Tham mưu nội dung làm việc với Bộ Công Thương về cơ chế đặc thù cho Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Trung tâm Điện lực Quảng Trị; Phối hợp báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp trên địa bàn.

- Hoàn thiện và bảo vệ Đề án khoa học về giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và Đề án phát triển dịch vụ logictisc. Hoàn thiện Dự thảo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra kỹ thuật an toàn công nghiệp; An toàn hóa chất; Chuẩn bị Đoàn kiểm tra tình hình bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung làm việc với Sở Tài chính để xác định nguồn kinh phí và mức chi hàng năm của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2022; Tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh năm 2017.

- Hoàn chỉnh, tổ chức lấy ý kiến Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý các cụm công nghiệp; Bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành về năng lực sản xuất hàng dệt may trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh, tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch dự án điện mặt trời. Đẩy nhanh tiến độ xây lắp Dự án Cấp điện nông thôn; Báo cáo tiến độ các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với việc thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; Tổ chức Hội nghị đánh giá, nhân rộng mô hình điểm bán hàng Việt Nam và kết nối sản phẩm địa phương vào hệ thống siêu thị, cửa hàng bán lẻ.



- Hoàn thành báo cáo đánh giá trách nhiệm các thành viên Đoàn kiểm tra công tác liên ngành trình UBND tỉnh. Triển khai thực hiện Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh đến năm 2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai Biên bản ghi nhớ Hội nghị thúc đẩy hợp tác đầu tư và thương mại qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Densavan; Báo cáo kết quả tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới giữa 3 tỉnh 3 nước; Báo cáo kết quả tổ chức Đoàn doanh nghiệp đi giao thương, xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của tỉnh tại các tỉnh nước CHDCND Lào năm 2017.

- Tham dự Triển lãm trong khuôn khổ APEC CEO Summit 2017 tại Đà Nẵng; Chuẩn bị các nội dung, tổ chức họp rà soát tiến độ tổ chức Hội chợ thương mại hàng tiêu dùng TP.Đông Hà năm 2017. Đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ Dự án RLED-EWEC của Viện Mekong tại Quảng Trị; Thành lập Ban quản lý dự án Plan thuộc Sở Công Thương.

- Tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm 2018 của Sở. Tổ chức kiểm tra và trả lời kết quả kiểm tra mức độ ảnh hưởng cường độ điện trường tại hộ ông Lê Yên ở khu vực 6 xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong.

- Trình UBND tỉnh xin bổ sung kinh phí duy tu, sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp của công trình trụ sở cơ quan Sở. Đề xuất chủ trương thống nhất nhân sự và thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh Chánh Thanh tra Sở. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao năm 2017. Đề xuất chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh năm 2018; Đề xuất nội dung làm việc với Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2018.

- Thực hiện duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Sở; Trình UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương. Rà soát danh mục thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và PAPI năm 2017 của Sở Công Thương Quảng Trị; Báo cáo tình hình công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2017; Kiểm tra công tác cải cách hành chính, đánh giá chất lượng nội bộ năm 2017. Xây dựng Dự thảo Quy định chức danh cấp trưởng, phó các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, đơn vị trực thuộc; Cấp trưởng, phó Phòng Kinh tế -Hạ tầng cấp huyện.



### III. Một số công tác trọng tâm tháng 12 năm 2017

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1; Chuẩn bị nội dung làm việc về phát triển dự án Nhà máy điện khí tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Báo cáo và đề xuất giải pháp cải thiện Chỉ số PCI ngành Công Thương năm 2018.

- Hoàn thiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh; Hoàn chỉnh Đề án khoa học: Giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018 -2022; Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp và công nhận các cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp khảo sát, đánh giá thực trạng và các điều kiện phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn để tham mưu Bộ Công Thương định hướng phát triển các ngành công nghiệp tỉnh; Đôn đốc nghiệm thu, hoàn thành các đề án khuyến công năm 2017 trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành Quy định về việc xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp. Tiếp tục thực hiện gói thầu 4 thuộc Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh giai đoạn 2014-2020.

- Xây dựng và hoàn chỉnh Đề án Quy định một số chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tỉnh giai đoạn 2017-2025. Xây dựng Kế hoạch công tác Bảo vệ người tiêu dùng tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện CVĐ “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2017

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội đàm ngành Công Thương 2 tỉnh Quảng Trị và Savannakhet (CHDCND Lào). Nghiên cứu triển khai Quyết định ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018; Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2018. Tổ chức thanh tra việc thực hiện quy trình nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của các Đội thuộc Chi cục Quản lý thị trường.

- Tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và công tác thi đua khen thưởng năm 2017; Báo cáo chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chỉ số cải cách hành chính của Sở năm 2017.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 13/10/2017; Kế hoạch số 4523/KH-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh.




- Tổ chức rà soát, báo cáo nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; Chuẩn bị nội dung tổ chức tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 của Sở và các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực; Đề xuất nội dung Chương trình công tác trọng tâm năm 2018 của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 11 năm và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 12 năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *W*

GIÁM ĐỐC *W*



**Lê Quang Vĩnh**



Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;  
 Vụ Kế hoạch (BCT)



Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
 Tháng 11 và 11 tháng năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	714	653	3410	597	3322	91,46%	109,38%	102,65%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	1099,00	1008	5807	1012	6309	91,72%	99,60%	92,04%
3	Đá xây dựng	M3	68706	70802	765954	58973	715938	103,05%	120,06%	106,99%
4	Tinh bột sắn	Tấn	7432	8612	97158	8909	91705	115,88%	96,67%	105,95%
5	Bia lon	1000 lít	1889	1700	20458	1542	16259	89,99%	110,25%	125,83%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1117	1090	11508	856	10132	97,58%	127,34%	113,58%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	760,00	725	4131	819	3319	95,39%	88,52%	124,47%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	12107	11027	83159	13084	85116	91,08%	84,28%	97,70%
9	Dăm gỗ	Tấn	40818	46013	269020	48129	247106	112,73%	95,60%	108,87%
10	Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	M3	19816	19000	196945	13117	122659	95,88%	144,85%	160,56%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	83	80	1144	64	1251	96,39%	125,00%	91,45%
12	Colophan và axit nhựa cây		452	400	5774	359	6085	88,50%	111,42%	94,89%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4536	4000	51884	3617	39167	88,18%	110,59%	132,47%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	198	200	1906	168	1555	101,01%	119,05%	122,57%
15	Săm xe các loại	1000 cái	520	525	4627	383	3913	100,96%	137,08%	118,25%
16	Gạch xây	1000 viên	12992	12865	142608	11828	142459	99,02%	108,77%	100,10%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	385	364	4459	293	4522	94,55%	124,23%	98,61%
18	Xi măng	Tấn	22679	22000	279979	17760	260237	97,01%	123,87%	107,59%
19	Điện sản xuất	Triệu kWh	41	38	451	32	315	92,68%	118,75%	143,17%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	44	48	503	46	496	109,09%	104,35%	101,41%
21	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1990	2000	13034	1911	11636	100,50%	104,66%	112,01%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2046,52	2072,52	22553,17	1828,96	20244,35	101,27%	113,32%	111,40%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1727,53	1749,34	19202,92	1543,29	17320,16	101,26%	113,35%	110,87%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	192,96	195,55	1999,82	170,97	1833,52	101,34%	114,38%	109,07%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,75	-	0,80	-	-	93,13%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	985,80	996,18	11155,80	882,13	10007,89	101,05%	112,93%	111,47%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	548,77	557,60	6046,56	490,20	5477,95	101,61%	113,75%	110,38%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		318,99	323,18	3350,25	285,67	2924,19	101,31%	113,13%	114,57%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	230,32	232,90	2412,29	203,12	2079,11	101,12%	114,66%	116,03%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		227,83	230,45	2382,82	200,95	2053,27	101,15%	114,68%	116,05%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,49	2,45	29,48	2,18	25,84	98,55%	112,75%	114,05%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	88,67	90,28	937,95	82,54	845,08	101,82%	109,38%	110,99%



SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT **SỞ**

**CÔNG THƯƠNG**



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tháng 11 và 11 tháng năm 2017

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 10/2017		Tháng 11/2017			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2017 so với tháng 11/2016
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 10 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 10/2017	So với tháng 11/2016	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	135,30	117,15	127,07	93,91	114,28	115,02
1. Công nghiệp khai khoáng	107,83	120,73	98,77	91,60	113,42	104,32
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	144,46	116,86	133,91	92,69	114,79	115,92
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	118,36	120,29	119,59	101,04	112,10	117,77
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	98,38	99,94	99,20	100,84	114,62	104,36